

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v Tranh chấp dân sự về hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;

2. Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm An, phường An, thành phố H, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm 3, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Lê Thị Bích Ch, sinh năm 1995; Địa chỉ: đường Lý Thường K, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp;

3.2. Bà Võ Thị Bích H, sinh năm 1985; Địa chỉ: khóm 3, phường A, thành phố H, Đồng Tháp;

3.3. Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1979; Địa chỉ: khóm A A, phường An Lộc, thành phố H, Đồng Tháp;

3.4. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1980; Địa chỉ: khóm An, phường A A, thành phố H, Đồng Tháp;

3.5. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: khóm 5, phường A, thành phố H, Đồng Tháp;

3.6. Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1994; Địa chỉ: xóm An Phước, phường A A, thành phố H, Đồng Tháp;

3.7. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm 5, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

(Tất cả những người làm chứng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày: Bà Bùi Thị P có tham gia chơi hội hùn vốn do bà làm chủ và đã hốt hết các dây hội đã chơi với tổng số tiền các dây hội đã hốt còn lại chưa đóng là 77.200.000đồng. Bà nhiều lần trao đổi với bà P để hai bên cộng, chốt sổ lại số tiền mà bà P còn nợ bà nhưng bà P không thống nhất. Bà P tham gia hội của bà tổng cộng là 07 dây hội, gồm:

1. Hội 100.000đồng, hội ngày, khai ngày 20/4/2021 âm lịch, có 62 thành viên, bà P tham gia 04 (Bốn) phần, hốt ngày nào bà không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại 20 lần hội chết chưa đóng với số tiền 8.000.000đồng. Hiện nay dây hội này đã kết thúc.

2. Hội 1.000.000đồng, hội 15 ngày, khai ngày 10/12/2021 dương lịch, có 25 thành viên, bà P tham gia 01 (Một) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại 13 lần hội chết chưa đóng cho đến khi kết thúc dây hội với số tiền 13.000.000đồng. Tính đến ngày 28/12/2021 dương lịch thì dây hội này vẫn còn 04 phần hội sống nữa mới kết thúc.

3. Hội 1.000.000đồng, hội 15 ngày, khai ngày 30/7/2021 âm lịch, có 31 thành viên, bà P tham gia 01 (Một) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại 10 lần hội chết chưa đóng cho đến khi kết thúc dây hội với số tiền 10.000.000đồng. Tính đến ngày 28/12/2021 dương lịch thì dây hội này vẫn còn 03 phần hội sống nữa mới kết thúc.

4. Hội 500.000đồng, hội tuần, khai ngày 18/4/2021 âm lịch, có 30 thành viên, bà P tham gia 01 (Một) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại 24 lần hội chết chưa đóng cho đến khi kết thúc dây hội với số tiền 12.000.000đồng. Tính đến ngày 28/12/2021 dương lịch dây hội này vẫn còn 08 phần hội sống nữa mới kết thúc.

5. Hội 300.000đồng, hội tuần, gồm có hai dây khai cùng ngày 25/3/2021 âm lịch, mỗi dây có 48 thành viên, bà P tham gia mỗi dây 01 (Một) phần, hai dây là 02 (Hai) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại mỗi dây là 38 lần hội chết chưa đóng, tổng cộng hai dây là 76 lần, tính đến khi kết thúc hai dây hội với số tiền 22.800.000đồng. Tính đến ngày 28/12/2021 dương lịch hai dây hội này vẫn còn 23 phần hội sống nữa mới kết thúc.

6. Hội 2.000.000đồng, hội tháng, khai ngày 16/4/2021 âm lịch, có 18 thành viên, bà P tham gia 01 (Một) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu cũng không nhớ, bà P còn nợ lại 04 lần hội chết chưa đóng với số tiền 8.000.000đồng. Hiện nay dây hội này đã kết thúc.

7. Hội 300.000đồng, hội tuần, khai ngày 16/4/2021 âm lịch, có 57 thành

viên, bà P tham gia 01 (Một) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại 04 lần hui chết chưa đóng với số tiền nợ hui chết là 1.200.000đồng. Hiện nay dây hui này đã kết thúc.

8. Phần hui chết mà khi bà P bỏ địa phương đi không đóng, cộng dồn của các dây hui trên, tổng số tiền là 2.200.000đồng, bà D đã bỏ tiền ra đóng thay bà P. Kể cả những dây hui hiện giờ chưa kết thúc thì khi khai hui xong bà D cũng bỏ tiền ra trả hui chết cho bà P chứ bà P không có đóng hui chết cho bà D nên bà D mới tính tiền hui chết mà bà P còn nợ lại cho đến khi kết thúc các dây luôn.

Việc tính tổng số tiền nợ đối với bà P là do bà D tự tính trên danh sách các thành viên đã tham gia từng dây hui và thực tế số tiền bà P còn nợ lại các dây hui của bà D chứ bà P chưa có xác nhận nợ với bà D đối với số 77.200.000đồng nói trên. Những người làm chứng trong vụ án là những người thấy và biết bà P có tham gia chơi hui với bà D là sự thật chứ bà D không còn chứng cứ nào khác.

Bà Bùi Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Bùi Thị P trả cho bà D số tiền hui chết chưa đóng, số tiền vốn là 77.200.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 02 năm 2022 là 09 tháng, thành tiền 6.948.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 84.148.000đ (Tám mươi bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Lý do là bà P không trả tiền hui chết cho bà D mà bà D phải tự bỏ tiền ra trả hui cho bà P để trả cho những người hốt hui nên bà D mới yêu cầu tính tiền lãi trong phần tiền hui mà bà P còn nợ bà D.

Tại phiên tòa, bà D xác định: Việc bà tổ chức làm chủ hui thì không có thông báo với Chính quyền địa phương. Ngoài các tài liệu, chứng cứ mà bà đã cung cấp cho Tòa án và các lời khai của những người làm chứng ra thì bà không còn chứng cứ nào khác chứng minh bà Bùi Thị P còn nợ lại bà tổng số tiền như bà yêu cầu. Bà D xác định thời gian tính lãi là tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/02/2022 và mức tính lãi là theo quy định của pháp luật. Dây hui 1.000.000đồng, khai ngày 10/12/2021 dương lịch, tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch thì dây hui này vẫn còn 02 (Hai) phần hui sống nữa mới kết thúc; Dây hui 1.000.000đồng, khai ngày 30/7/2021 âm lịch, tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch thì dây hui này vẫn còn 01 (Một) phần hui sống nữa mới kết thúc; Dây hui 500.000đồng, khai ngày 18/4/2021 âm lịch, tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch dây hui này vẫn còn 05 (Năm) phần hui sống nữa mới kết thúc; Dây hui 300.000đồng, hui tuần, gồm có hai dây khai cùng ngày 25/3/2021 âm lịch, tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch hai dây hui này vẫn còn 19 phần hui sống nữa mới kết thúc.

- Theo bản trình bày ý kiến ngày 21/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn bà Bùi Thị P trình bày: Bà P có tham gia chơi hui do bà Bùi Thị D làm chủ, quá trình chơi hui diễn ra từ trước tới nay bà còn thiếu bà D số tiền hui chết chưa đóng tổng cộng là 40.600.000đồng. Cụ thể:

1. Bà P thừa nhận dây hui ngày, 100.000đồng, khai ngày 20/4/2021 âm lịch, có 62 thành viên, bà tham gia 04 (Bốn) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt được bao nhiêu không nhớ, bà còn nợ lại 20 lần hui chết chưa đóng với số tiền 8.000.000đồng. Hiện nay dây hui này đã kết thúc.

2. Bà thừa nhận dây hui tuần, 500.000đồng, kê ngày 18/4/2021 âm lịch, có 30 thành viên, bà tham gia 01 (Một) phần, hốt ngày nào không nhớ, số tiền bà P hốt

được bao nhiêu không nhớ, bà còn nợ lại 24 lần hội chết chưa đóng tính đến khi kết thúc đây hội với số tiền 12.000.000đồng. Tính đến ngày 28/12/2021 âm lịch đây hội này vẫn còn 08 phần hội sống nữa mới kết thúc.

3. Bà thừa nhận đây hội tuần, 300.000đồng, khai ngày 25/3/2021 âm lịch, có 48 thành viên, bà tham gia 01 (Một) phần, hót ngày nào không nhớ, số tiền bà P hót được bao nhiêu không nhớ, bà P còn nợ lại 38 lần hội chết chưa đóng tính đến khi kết thúc đây hội với số tiền 11.400.000đồng. Tính đến ngày 28/12/2021 thì đây hội này vẫn còn 23 phần hội sống nữa mới kết thúc. Bà P chỉ tham gia một phần của một đây hội tuần 300.000đồng, kê ngày 25/3/2021 âm lịch, có 48 thành viên chứ bà P không tham gia 02 (Hai) phần trong hai đây hội như bà D trình bày. Mặc dù bà D có cung cấp 02 (Hai) danh sách các thành viên của hai đây hội trên đều có tên 3 Chiên (tên chồng bà P) là do bà D tự ghi chứ bà P không thừa nhận.

4. Bà thừa nhận đây hội tuần, 300.000đồng, khai ngày 16/4/2021 âm lịch, có 57 thành viên, bà tham gia 01 (Một) phần, hót ngày nào không nhớ, số tiền hót được bao nhiêu không nhớ, bà còn nợ lại 04 lần hội chết chưa đóng với số tiền 1.200.000đồng. Hiện nay đây hội này đã kết thúc.

5. Bà thừa nhận đây hội tháng 2.000.000đồng, kê ngày 16/4/2021 âm lịch, có 18 thành viên, bà tham gia 01 (Một) phần, hót ngày nào không nhớ, số tiền hót được bao nhiêu không nhớ, bà còn nợ lại 04 lần hội chết chưa đóng với số tiền 8.000.000đồng. Hiện nay đây hội này đã kết thúc.

6. Bà thừa nhận có nợ bà D số tiền nợ hội chết chưa đóng vào thời điểm bệnh Dịch mới phát là 2.200.000đồng.

Nên tổng số tiền hội bà nợ của bà D là 42.800.000đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) chứ không phải 77.200.000đồng như bà D yêu cầu. Do đó, bà chỉ thống nhất trả cho bà D số tiền 42.800.000đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) chứ không thống nhất trả 77.200.000đồng như bà D yêu cầu. Bà P không thống nhất trả tiền lãi cho bà D như bà D yêu cầu vì trong số tiền bà còn nợ hội chết đã có tính lãi trong đó rồi. Bà thừa nhận khi tham gia chơi hội thì trong danh sách hội viên bà tên là Ba Chiên (tên chồng của bà). Có những đây hội còn lại phải đóng đến tháng 02 năm 2022 mới kết thúc. Nhưng do điều kiện kinh tế bà đang gặp khó khăn nên bà P không có khả năng để trả (đóng hội chết) tiếp cho bà D. Do đó bà P thống nhất việc tính số tiền hội chết mà bà P còn nợ bà D cho đến khi kết thúc các đây hội mà bà P thừa nhận trong vụ án này. Việc bà D cung cấp những người làm chứng là đều có quan hệ bà con với bà D nên nếu bà D có cung cấp chứng cứ chứng minh bà P còn nợ bà D số tiền 77.200.000đồng thì bà P cũng không thống nhất trả số tiền 77.200.000đồng cho bà D.

Tại phiên tòa, bà P xác định: Thời gian bà không đóng hội chết cho bà D là từ ngày 15/6/2021 cho đến nay. Bà P tự nguyện thống nhất trả cho bà D số tiền hội chết còn nợ 42.800.000đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) chứ không thống nhất trả 84.148.000đồng như bà D yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 351, khoản 2 Điều 468, Điều 471

Bộ Luật dân sự; Điều 16, Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với phần tiền hội chưa đến hạn mà bà D tranh chấp yêu cầu, không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về hội nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà P trả tiền hội mà bà P đã hốt hội xong nhưng không đóng hội chết lại cho bà D, số tiền mà bà D yêu cầu là tổng số tiền tính trên toàn bộ các dây hội mà bà D cho rằng bà P đã tham gia với bà D nhưng bà P không đóng hội chết cho đến khi kết thúc tất cả các dây hội. Do đó tính đến thời điểm Hội đồng xét xử mở phiên tòa (ngày 21/01/2022 dương lịch nhằm ngày 19/12/2021 âm lịch) thì đã có những dây hội kết thúc nên được xem xét, giải quyết luôn trong vụ án này. Còn những dây hội chưa kết thúc thì phần nào chưa kết thúc chưa được xem xét, giải quyết từ ngày 21/01/2022 trở về sau cho đến khi kết thúc các dây hội vì bị đơn bà P chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ hội đối với nguyên đơn bà D. Mặc dù bà P tự nguyện thống nhất yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết luôn đối với các dây hội chưa kết thúc này nhưng lúc này chưa phát sinh nghĩa vụ của bà P đối với bà D nên quyền lợi của bà D chưa bị xâm phạm. Do đó, về phần này bà D chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định 19 của Chính phủ và điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của những người làm chứng: Bà Lê Thị Bích C, bà Võ Thị Bích H, bà Phạm Ngọc H, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Yến N, bà Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị D yêu cầu bà Bùi Thị P trả cho bà số tiền hội chết chưa đóng, số tiền vốn 77.200.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/02/2022 là 09 tháng, tính lãi theo quy định pháp luật là 6.948.000đồng. Tổng cộng là 84.148.000đ (Tám mươi bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Bà Bùi Thị P thừa nhận có làm thành viên tham gia chơi hụi do bà Bùi Thị D làm chủ là có thật.

+ Việc bà D tổ chức các dây hụi do bà D làm chủ là chưa đảm bảo về mặt hình thức, nội dung và thông báo theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13, và điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường như: Không thỏa thuận bằng văn bản, không được công chứng, chứng thực, danh sách các dây hụi không có những nội dung chủ yếu như sau: Họ, tên, số CMND (Căn cước), ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của chủ hụi, của các thành viên, thể thức góp hụi, lãnh hụi, mức hoa hồng của chủ hụi, lãi suất trong hụi, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, không có sổ hụi ghi rõ các nội dung ngày góp hụi, số tiền đã góp của từng thành viên, ngày lãnh hụi, số tiền lãnh hụi của thành viên lãnh hụi, chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp hụi và lãnh hụi...và không có thông báo về việc tổ chức dây hụi khi tổ chức từ hai dây hụi trở lên phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã (phường) nơi cư trú.

+ Bà D chỉ cung cấp cho Tòa án danh sách các dây hụi mà bà cho rằng bà làm chủ hụi, có danh sách có chữ ký của các thành viên, có danh sách không có chữ ký của các thành viên và điều quan trọng là không có danh sách dây hụi nào có chữ ký tên của thành viên tên Ba Ch (chồng bà P). Giữa bà D và bà P cũng không có lần nào xác nhận nợ hụi với nhau đối với tổng số tiền hụi bà D yêu cầu nợ vốn là 77.200.000đồng.

+ Những người làm chứng cho bà D như: Bà Bùi Thị N, bà Nguyễn Thị Yên N, bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Phạm Ngọc H, bà Võ Thị Bích H, bà Lê Thị Bích C chỉ xác nhận bà P có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ chứ không ai chứng kiến và xác nhận được là bà P còn nợ bà D bao nhiêu tiền và cụ thể là bà P nợ bà D ra sao.

+ Đối với dây hụi 300, hụi tuần, khai ngày 25/3/2021 âm lịch, 48 thành viên, bà P không thừa nhận là tham gia 02 (Hai) phần mà chỉ thừa nhận có tham gia 01 (Một) phần. Tại bút lục số 05 bà D cho rằng đây là danh sách tổng của hai danh sách của hai dây hụi tại bút lục 90 và 91 nhưng chỉ có thành viên tên Ba Ch là được tách ra, còn các thành viên khác như: Thành viên tên L tại bút lục 90 tham gia 05 phần, tại bút lục 91 tham gia 05 phần, tổng cộng là 10 phần, nhưng tại bút lục 05 L tham gia chỉ có 05 phần; T (Thu rau cải) tại bút lục 90 tham gia 02 phần, tại bút lục 91 tham gia 03 phần, tổng cộng là 05 phần, nhưng tại bút lục 05 thì Th (Thu rau cải) tham gia chỉ có 02 phần và còn nhiều thành viên khác nữa số phần tham gia của các danh sách không khớp nhau. Do đó, tài liệu, chứng cứ mà bà D cung cấp là hợp lý. Những người làm chứng cho bà D như: Bà Bùi Thị T cho rằng bà P có tham gia 02 (Hai) phần, bà có tính tiền cho bà D khi bà P hốt hụi nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu và không biết bà P còn nợ bà D bao nhiêu; Bà Lê Thị Bích C có tham gia chơi hụi 300, có bà Ba C tham gia chung nhưng không biết bà P tham gia bao nhiêu phần và không biết bà P còn nợ bà D bao nhiêu tiền. Trong khi bà P không thống nhất trả số tiền vốn 77.200.000đồng theo yêu cầu của bà D nhưng bà D lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh là bà P còn nợ bà D số tiền hụi chết chưa đóng, số tiền vốn là 77.200.000đồng.

+ Theo lời thừa nhận của bà P thì bà P chỉ có nợ tiềnhui chết chưa đóng cho bà D với tổng số tiền vốn là 42.800.000đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng). Bà P tự nguyện thống nhất tính luôn các phầnhui chết còn lại đối với những dâyhui chưa kết thúc, nhưng đối với các phầnhui của các dâyhui chưa kết thúc thì Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết như nhận định ở trên. Do đó, phần tiềnhui vốn mà bà P còn nợ bà D là tính trên phần bà P thừa nhận đối với tất cả các dâyhui sau khi đã trừ đi các phầnhui còn lại trong các dâyhui chưa kết thúc. Cụ thể:

1. Bà P thừa nhận dâyhui ngày, 100.000đồng, khai ngày 20/4/2021 âm lịch, bà P tham gia 04 (Bốn) phần, hiện nay dâyhui này đã kết thúc nên bà P còn nợ bà D 8.000.000đồng.

2. Bà P thừa nhận dâyhui tuần, 500.000đồng, khai ngày 18/4/2021 âm lịch, bà P còn nợ lại 24 lầnhui chết chưa đóng tính đến khi kết thúc dâyhui với số tiền 12.000.000đồng. Tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch (nhằm ngày 19/12/2021 âm lịch) thì dâyhui này còn 05 (Năm) phầnhui sống nữa mới kết thúc nên trừ ra 500.000đ x 5phần bằng 2.500.000đồng. Do đó, bà P còn nợ bà D 9.500.000đồng (12.000.000đ – 2.500.000đ).

3. Bà P thừa nhận dâyhui tuần, 300.000đồng, khai ngày 25/3/2021 âm lịch, bà P còn nợ lại 38 lầnhui chết chưa đóng tính đến khi kết thúc dâyhui với số tiền là 11.400.000đồng. Tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch (nhằm ngày 19/12/2021 âm lịch) thì dâyhui này còn 19 phầnhui sống nữa mới kết thúc nên trừ ra 300.000đ x 19phần bằng 5.700.000đồng. Do đó, bà P còn nợ bà D 6.900.000đồng (11.400.000đ – 5.700.000đ).

4. Bà P thừa nhận dâyhui tuần, 300.000đồng, khai ngày 16/4/2021 âm lịch, bà P còn nợ lại 04 lầnhui chết chưa đóng với số tiền 1.200.000đồng. Hiện nay dâyhui này đã kết thúc nên bà P còn nợ bà D 1.200.000đồng.

5. Bà P thừa nhận dâyhui tháng, 2.000.000đồng, khai ngày 16/4/2021 âm lịch, bà P còn nợ lại 04 lầnhui chết chưa đóng với số tiền 8.000.000đồng. Hiện nay dâyhui này đã kết thúc nên bà P còn nợ bà D 8.000.000đồng.

6. Bà P thừa nhận có nợ của bà D số tiền nợhui chết chưa đóng vào thời điểm bệnh Dịch mới phát là 2.200.000đồng.

Như vậy tổng số tiềnhui vốn bà Bùi Thị P còn nợ bà Bùi Thị D là 35.800.000đ (Ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Bà P đã không thực hiện nghĩa vụ là trảhui chết cho bà D mỗi khi đến kỳ khaihui mà bà D đã bỏ tiền ra để trần (đóng) hui chết cho bà P, do đó bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà D thì bà P phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà D đối với số tiền 35.800.000đ (Ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự.

+ Về phần lãi: Việc thỏa thuận tổ chứchui và tham giahui giữa bà D và bà P là hình thứchui có lãi, mặc dù các bên đương sự không thỏa thuận mức lãi suất khi các bên vi phạm nghĩa vụ, nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 353, Điều 357 và khoản 3 Điều 471 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường thì bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm

trả và mức lãi suất được xác định theo mức quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự là 20%/năm (1,67%/tháng) + 10%/năm (0,83%/tháng) bằng 2,5%/tháng (0,083%/ngày). Như vậy thời hạn tính lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 21/01/2022 là 216 ngày, thành tiền là 35.800.000đồng x 0,083%/ngày x 216 ngày bằng 6.418.000đồng.

+ Đối với phần yêu cầu của bà D mà chưa đủ điều kiện khởi kiện với số tiền hui chưa kết thúc tổng cộng các dây hui theo bà D yêu cầu là 11.200.000đồng (phần bà P thừa nhận là 8.200.000đồng) thì Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ một phần của vụ án đối với số tiền trên là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau này khi các dây hui kết thúc mà bà P có vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bà D thì bà D có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

+ Tổng số tiền mà bà D yêu cầu là 84.148.000đồng trừ đi phần chưa đủ điều kiện khởi kiện 11.200.000đồng thì phần yêu cầu còn lại 72.948.000đồng nên phần được chấp nhận yêu cầu là 42.218.000đồng (vốn 35.800.000đồng + lãi 6.418.000đồng), phần không được chấp nhận là 30.730.000đồng.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị D đối với bà Bùi Thị P. Bà Bùi Thị P có nghĩa vụ trả nợ hui cho bà Bùi Thị D số tiền vốn là 35.800.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 21/01/2022 dương lịch (nhằm ngày 19/12/2021 âm lịch) là 6.418.000đồng. Tổng cộng là 42.218.000đ (Bốn mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng) là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận một phần nên bà D chịu phần án phí đối với phần không được chấp nhận. Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu được chấp nhận. Riêng phần đình chỉ một phần vụ án thì bà D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 353, Điều 357, điểm b khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 22, khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biếu, phượng; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị D.

Buộc bà Bùi Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị D số tiền hui vốn là 35.800.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 21/01/2022 dương lịch (nhằm ngày 19/12/2021 âm lịch) là 6.418.000đồng. Tổng cộng là 42.218.000đ (Bốn mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về việc yêu cầu bà P trả số tiền 11.200.000đồng do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Buộc bà Bùi Thị P chịu 2.111.000đ (Hai triệu một trăm mười một nghìn đồng, làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Bùi Thị D chịu 1.536.500đồng (Một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 2.104.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 06256, ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Bà D được nhận lại 567.500đ (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo